

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **35** /2018/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày **17** tháng **9** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 1652/TTr-SNV ngày 06 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

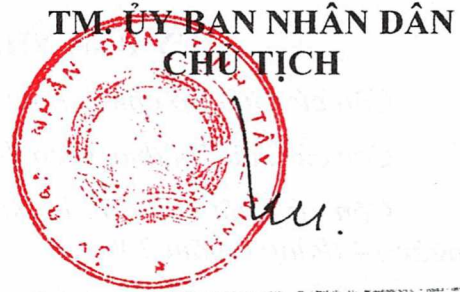
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01** tháng **10** năm 2018 và thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, các khối thi đua, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *lg*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban TĐ-KT TW;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT: Huyện ủy, Thành ủy;
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- LĐVP, Phòng NC;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh, SNV.

75,



Phạm Văn Tân

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2018/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định một số nội dung công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Công dân Việt Nam, các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

Điều 3. Những quy định chung khi xét danh hiệu thi đua và đề nghị khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013 và Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP).

3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn làm tiêu chí chính khen thưởng. Phải đảm bảo đầy đủ hồ sơ, điều kiện và tỷ lệ, báo cáo thành tích phải thực hiện theo mẫu đã quy định và bám sát tiêu chuẩn khen thưởng.

4. Khi xét công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải xem xét đến thành tích của tập thể do người đó phụ trách.

Đối với cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, khi kết thúc năm công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xét, công nhận danh hiệu thi đua, hình

thức khen thưởng khi cá nhân này được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, xếp loại từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

5. Không công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng đối với các trường hợp sau:

a) Tập thể, cá nhân và người đứng đầu cơ quan, đơn vị của chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm việc báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của cơ quan chức năng;

b) Tập thể, người đứng đầu và cá nhân là người được giao trách nhiệm phụ trách công nghệ thông tin khi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đơn vị, địa phương bị cơ quan chuyên môn đánh giá xếp loại từ mức trung bình trở xuống;

c) Người đứng đầu và cá nhân là người được giao trách nhiệm phụ trách công tác cải cách hành chính của đơn vị, địa phương khi kết quả xếp hạng Chỉ số Cải cách hành chính bị đánh giá thực hiện từ mức trung bình trở xuống;

d) Đơn vị, địa phương có kết quả đánh giá thực hiện Chỉ số Cải cách hành chính kém;

đ) Tập thể, cá nhân tham gia các Hội thi, Hội diễn, Liên hoan đạt giải đã được ngành cấp trên tặng Bằng khen;

e) Các cá nhân có tác phẩm, công trình nghiên cứu, đề tài, giải pháp (sau đây gọi chung là giải pháp) đạt giải và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, nếu sau đó các giải pháp tiếp tục được đưa đi tham dự các Hội thi Cấp Quốc gia, khu vực và đạt giải thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ không xem xét khen thưởng;

g) Tập thể và người đứng đầu đơn vị thực hiện việc triển khai, vận hành và sử dụng hệ thống phần mềm thông tin kinh tế - xã hội bị cơ quan chuyên môn đánh giá từ mức trung bình trở xuống;

h) Tập thể và người đứng đầu đơn vị có kết quả đánh giá công tác Dân vận Chính quyền từ mức hoàn thành trở xuống;

i) Không xét khen thưởng đột xuất cho những tập thể, cá nhân thực hiện công việc được đảm nhận theo nhiệm vụ công tác hoặc theo chương trình, kế hoạch đã định trước;

k) Đơn vị, địa phương và người đứng đầu không hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách, trừ trường hợp ngoại lệ có lý do khách quan hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

l) Tập thể, người đứng đầu và cá nhân là người được giao trách nhiệm phụ trách việc công khai ngân sách trên Cổng Thông tin điện tử khi có văn bản nhắc nhở của Sở Tài chính;

m) Trong năm, cùng một nội dung công tác mà để Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản nhắc nhở đến lần thứ 3 thì không xét thi đua, khen thưởng cho tập thể và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Đối với các đơn vị trực thuộc sở và tương đương khi xét đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho đơn vị thì sẽ không xét cho các phòng, đội thuộc đơn vị đó và ngược lại.

7. Tập thể đạt Giải tại các Hội diễn, Cuộc thi, Hội thi, Liên hoan cấp tỉnh, cấp khu vực chỉ khen thưởng cho tập thể, không khen thưởng cho từng cá nhân thuộc tập thể đó.

Riêng các cá nhân thuộc tập thể đạt Giải tại các Hội diễn, Cuộc thi, Hội thi, Liên hoan cấp Quốc gia, Quốc tế; các cá nhân thuộc Đội Bóng đá Tây Ninh khi thăng hạng từ Giải Hạng nhất Quốc gia lên Giải chuyên nghiệp hoặc Vô địch Giải chuyên nghiệp thì được xem xét, khen thưởng; số lượng khen thưởng được quy định trong Hướng dẫn liên ngành.

8. Trong cùng 01 năm, đối với các cá nhân là lãnh đạo đơn vị tham gia các Ban Chỉ đạo, Hội đồng cấp tỉnh, được tặng không quá 02 Bằng khen thành tích trong thực hiện Chuyên đề do các Ban Chỉ đạo, Hội đồng phụ trách (tính theo thời gian ban hành Quyết định khen thưởng).

9. Khen thưởng đối với cá nhân mà Luật Thi đua, khen thưởng quy định “hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” là căn cứ kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; đối với các cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì căn cứ vào kết quả đánh giá của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đối với cá nhân không thuộc đối tượng áp dụng Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thống nhất xem xét, khen thưởng.

Điều 4. Lấy ý kiến quần chúng Nhân dân khi đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Trước khi trình, xin ý kiến các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về việc đề nghị Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng, Sở Nội vụ tiến hành lấy ý kiến công khai đến toàn thể Nhân dân đối với các trường hợp đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các tập thể, cá nhân trên các phương tiện thông tin truyền thông của tỉnh trong 05 ngày làm việc.

2. Khi có ý kiến phản ánh hoặc dư luận của quần chúng Nhân dân, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành xác minh, kiểm tra thông tin, báo cáo, xin ý kiến các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

3. Kết quả xác minh được đăng tải công khai để quần chúng Nhân dân biết, giám sát.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA,

DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Đăng ký thi đua

1. Các tập thể, cá nhân khi tham gia phong trào thi đua phải thực hiện đăng ký thi đua.

2. Hàng năm, các Khối Thi đua, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức đăng ký thi đua hoặc ký kết giao ước thi đua trong khối, trong cơ quan, đơn vị, địa phương. Nội dung đăng ký thi đua bao gồm:

a) Các chỉ tiêu thi đua;

b) Đăng ký các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương; Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Các đơn vị đăng ký danh hiệu Cờ Thi đua Chính phủ và gửi về Sở Nội vụ trước ngày 01 tháng 3; riêng Ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

4. Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, các đơn vị đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền công nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Phương pháp tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền. Nội dung và chỉ tiêu thi đua phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm của ngành, địa phương, đơn vị; phương pháp thi đua cụ thể thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân; phải đảm bảo tính khoa học, tính khả thi và đúng quy định pháp luật.

2. Tổ chức phát động phong trào thi đua, đăng ký hoặc ký kết giao ước thi đua trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương, Khối Thi đua; triển khai các biện pháp tuyên truyền, vận động, chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra phong trào thi đua. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hóa các hình thức phát động phong trào thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả phong trào thi đua, rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm, những nhân tố mới, mô hình mới đã xuất hiện trong phong trào thi đua; xét chọn, biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

Đối với việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do

đơn vị, địa phương nào phát động thì cấp đó khen thưởng theo thẩm quyền.

Đối với việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động thì các đơn vị, địa phương căn cứ hướng dẫn khen thưởng lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, lãnh đạo các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phát động, chỉ đạo tổ chức, triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để khen thưởng và đề nghị khen thưởng; tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến; có kế hoạch, giải pháp để các tập thể, cá nhân được nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

3. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc các cấp có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các Cơ quan Đảng, Nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh;

b) Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, đội viên và quần chúng Nhân dân tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các biện pháp để thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh, Công Thông tin Điện tử tỉnh Tây Ninh và cơ quan truyền thông của các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng, về các phong trào thi đua yêu nước; phát hiện, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, cổ động các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Hoạt động của các Khối Thi đua

1. Các Khối Thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập.

a) Hàng năm, các Khối Thi đua bình bầu Khối trưởng và Khối phó điều hành hoạt động của khối; ban hành quy chế tổ chức hoạt động, xây dựng kế hoạch công tác, nội dung phong trào thi đua, các hoạt động chung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm giữa các thành viên trong khối để phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị;

b) Khối trưởng các Khối Thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức được quyền đề nghị khen thưởng như sau:

Đối với Khối Thi đua có 05 đơn vị: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 01 Bằng khen;

Đối với Khối Thi đua có từ 06 đến 10 đơn vị: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 02 Bằng khen;

Đối với Khối Thi đua có từ 11 đơn vị trở lên: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 03 Bằng khen;

c) Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các Khối Thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

2. Các Khối Thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh cùng cố, kiện toàn nhưng giao cho sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang, cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh theo dõi, hướng dẫn.

a) Hàng năm, các Khối Thi đua bình bầu Khối trưởng và Khối phó điều hành hoạt động của khối; ký kết giao ước thi đua; ban hành quy chế tổ chức hoạt động, xây dựng kế hoạch công tác, nội dung phong trào thi đua, các hoạt động chung, tiêu chí đánh giá, cách thức chấm điểm giữa các thành viên trong khối để phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị;

b) Các cơ quan, đơn vị được giao theo dõi, hướng dẫn được quyền đề nghị khen thưởng như sau:

Đối với Khối Thi đua có 05 đơn vị, Khối Thi đua các Bệnh viện do Sở Y tế theo dõi hướng dẫn, Khối Thi đua các Trường học, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên do Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi hướng dẫn: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất);

Đối với Khối Thi đua có từ 06 đến 08 đơn vị: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 01 Bằng khen;

Đối với Khối Thi đua có từ 09 đến 12 đơn vị: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 02 Bằng khen;

Đối với Khối Thi đua có từ 13 đơn vị trở lên: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 03 Bằng khen;

c) Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

hoạt động của các Khối Thi đua này.

3. Các Khối Thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh cùng cố, kiện toàn nhưng giao cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) theo dõi, hướng dẫn, hàng năm đề nghị khen thưởng như sau:

a) Đối với Khối Thi đua các xã, phường, thị trấn: Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 02 Bằng khen. Riêng huyện Châu Thành, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị khen thưởng 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 01 Bằng khen cho mỗi Khối Thi đua;

b) Đối với Ngành Giáo dục và Đào tạo: Kết thúc năm học, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị tặng Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” cho các Trường dẫn đầu các Khối Thi đua của từng cấp học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập các Cụm, Khối Thi đua đối với các đơn vị thuộc cấp huyện. Cuối năm, sau khi chấm điểm, xếp hạng các thành viên trong Cụm, Khối Thi đua, Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Cụm, Khối Thi đua và khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 10. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” của Ủy ban nhân dân tỉnh: Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật thi đua, khen thưởng, Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Ngoài ra, Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” của Ủy ban nhân dân tỉnh còn được tặng cho những tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu trong thực hiện phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, phong trào thi đua “công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân”, phong trào thi đua “Thực hiện công tác Dân vận” và phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới”.

Tiêu chuẩn khen thưởng thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn khen thưởng của cơ quan có thẩm quyền.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Đối tượng xét tặng:

Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh gồm: doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (trừ các thành viên thuộc Tập đoàn Kinh tế, Tổng Công ty) và các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội và tương đương;

Đối với cấp tỉnh gồm: văn phòng, phòng, ban, chi cục, trung tâm và tương

đương thuộc các sở, ban, ngành tỉnh, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội cấp tỉnh;

Đối với các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội cấp tỉnh và tương đương gồm: phòng, đội, trạm, trại, hạt;

Đối với cấp huyện gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, trung tâm;

b) Tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng” xét tặng hàng năm cho các tập thể theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

4. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”: Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

5. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” xét tặng hàng năm cho các tập thể theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

6. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Tổ Dân phố văn hóa” và tương đương được xét tặng hàng năm cho các đối tượng đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng và Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng, Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”: đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” xét tặng hàng năm cho các cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 12. Tỷ lệ xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua

1. Quy định tỷ lệ xét, công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” như sau:

a) Đơn vị, địa phương được bình chọn dẫn đầu Khối Thi đua do tỉnh tổ chức: Được đề nghị tặng thưởng Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 60% số lượng tập thể trong đơn vị, địa phương;

b) Đơn vị, địa phương được bình chọn xếp hạng nhì, ba trong Khối Thi đua do tỉnh tổ chức: Được đề nghị tặng thưởng Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” không quá 40% số lượng tập thể trong đơn vị, địa phương;

c) Các đơn vị, địa phương còn lại: Được đề nghị tặng thưởng Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” không quá 20% số lượng tập thể trong đơn vị, địa phương;

d) Riêng Ngành Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào thứ hạng của các Phòng Giáo dục và Đào tạo trong Khối Thi đua do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức để đề nghị tỷ lệ công nhận Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” theo Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh không quy định tỷ lệ công nhận các danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Tổ Dân phố văn hóa”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp căn cứ thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khả năng Quỹ Thi đua, khen thưởng mà công nhận cho phù hợp.

3. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”; đối với đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dưới 07 người thì được xét 01 Chiến sĩ thi đua cơ sở.

4. Quy định về việc làm tròn khi tính tỷ lệ công nhận danh hiệu thi đua: số lượng công nhận danh hiệu thi đua là số tự nhiên, do đó khi tính tỷ lệ đề nghị, nếu chữ số sau số đơn vị bằng 05 trở lên thì được tăng thêm 01 đơn vị, nhỏ hơn thì không tính.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 13. Giấy khen

1. Thực hiện theo quy định tại Khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một công trình. Số lượng khen thưởng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế quyết định mức đóng góp của tập thể, hộ gia đình, cá nhân để khen thưởng.

Điều 14. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được thực hiện theo Điểm c Khoản 1 và Điểm c Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Khen thưởng đột xuất, theo chuyên đề (theo đợt):

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc tiêu biểu, đột xuất hoặc có đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh; gương người tốt việc tốt, học sinh đạt giải Lê Quý Đôn, học sinh đỗ thủ khoa vào các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp;

b) Tập thể và cá nhân ở các địa phương ngoài tỉnh, công dân Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, các tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp có đóng góp đáng kể trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Tây Ninh;

c) Tập thể xếp hạng nhì, ba trong Khối Thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức; các Khối Thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh cùng cố, kiện toàn nhưng giao cho sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh, lực lượng vũ trang, cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, hướng dẫn (trừ Khối Thi đua Ngành Giáo dục và Đào tạo);

d) Tập thể, hộ gia đình hoặc cá nhân đã có thành tích đóng góp, hỗ trợ, làm công tác an sinh xã hội, từ thiện, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và hiện vật lưu niệm kèm theo;

đ) Tập thể hoặc cá nhân đã có thành tích vận động đóng góp, hỗ trợ, làm công tác an sinh xã hội, từ thiện, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh có trị giá từ 500 triệu đồng trở lên được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và hiện vật lưu niệm kèm theo;

e) Các xã, phường, thị trấn lần đầu đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn văn hóa;

g) Tập thể, cá nhân đạt giải tại các Hội thi, Hội diễn, Liên hoan:

Cấp quốc tế: Đạt một trong các giải: nhất, nhì, ba, khuyến khích hoặc Huy chương vàng, bạc, đồng;

Cấp quốc gia, khu vực: Đạt một trong các giải: nhất, nhì, ba hoặc Huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải A, B, C;

Cấp tỉnh: Đạt giải nhất, nhì hoặc Huy chương vàng, bạc hoặc giải A, B;

h) Các xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em 05 năm liên tục;

i) Cá nhân là cán bộ giữ chức vụ quản lý có hệ số phụ cấp từ 0,6 trở lên và 03

năm liên tục trước khi nghỉ hưu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

Đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân giữ các chức vụ: Giám đốc, Phó Giám đốc Công an tỉnh; Chính ủy, Phó Chính ủy, Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh có 03 năm liên tục trước khi nghỉ hưu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

Đối các đơn vị kinh tế của tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân là lãnh đạo đơn vị có 03 năm liên tục trước khi nghỉ hưu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

k) Cá nhân đã tố cáo, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng hoặc bị thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến dưới 31% do tố cáo, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật;

l) Đối với sự kiện kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập đơn vị từ 20 năm trở lên vào các năm chẵn, năm tròn, chỉ xét khen thưởng đối với cá nhân là những người có nhiều đóng góp, công tác tại đơn vị từ 15 năm trở lên và không bị kỷ luật dưới mọi hình thức; số lượng khen thưởng thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn liên ngành khen thưởng;

m) Đối với sự kiện Đại hội nhiệm kỳ mới của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh, chỉ khen thưởng cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong suốt nhiệm kỳ trước và thôi không tham gia nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới, không vi phạm và bị kỷ luật dưới mọi hình thức.

Điều 15. Tỷ lệ tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tỷ lệ xét đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được như sau:

a) Đơn vị được bình chọn dẫn đầu Khối Thi đua do tỉnh tổ chức: được xét đề nghị không quá 30% tổng số tập thể thuộc đơn vị; 15% tổng số người lao động của đơn vị;

b) Đơn vị, địa phương được bình chọn xếp hạng nhì, ba trong Khối Thi đua do tỉnh tổ chức: được xét đề nghị không quá 20% tổng số tập thể thuộc đơn vị; 10% tổng số người lao động của đơn vị;

c) Các đơn vị, địa phương còn lại: được xét đề nghị không quá 10% tổng số tập thể thuộc đơn vị; 5% tổng số người lao động của đơn vị;

d) Riêng Ngành Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào thứ hạng đạt được của Phòng Giáo dục và Đào tạo trong Khối Thi đua do Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn đề nghị khen thưởng theo tỷ lệ được quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này.

2. Xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với khen thưởng đột xuất, theo chuyên đề (theo đợt) như sau:

a) Căn cứ vào tiêu chuẩn, số lượng được quy định cụ thể trong các hướng dẫn liên ngành giữa Sở Nội vụ với Thường trực các Ban Chỉ đạo, Hội đồng, đơn vị đề đề nghị khen thưởng;

b) Đối với khen thưởng thành tích hoạt động nhiệm kỳ, sơ kết, tổng kết thực hiện Luật, Nghị định, Chỉ thị, Nghị quyết,... phải có chủ trương đồng ý khen thưởng của Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quy định về việc làm tròn khi tính tỷ lệ đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: số lượng tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là số tự nhiên, do đó khi tính tỷ lệ đề nghị, nếu chữ số sau số đơn vị bằng 05 trở lên thì được tăng thêm 01 đơn vị, nhỏ hơn thì không tính.

Điều 16. Các hình thức biểu dương, khen thưởng khác

1. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy chế này, các đơn vị, địa phương có thể có các hình thức biểu dương, động viên khác nhưng không trái với Luật thi đua, khen thưởng.

2. Việc tổ chức Hội thi, Hội diễn, Liên hoan có liên quan đến khen thưởng và trao giải thưởng phải được đăng ký với Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng cùng cấp.

Các đơn vị gửi văn bản đăng ký tổ chức Hội thi, Hội diễn, Liên hoan có liên quan đến khen thưởng về Sở Nội vụ phải gửi kèm theo văn bản đồng ý chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cho đơn vị về việc tổ chức Hội thi, Hội diễn, Liên hoan.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TUYỂN TRÌNH, TRAO TẶNG, HỒ SƠ THỦ TỤC, THỜI GIAN XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 17. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 79, Điều 80 Luật thi đua, khen thưởng và Điều 43 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở các ấp, khu phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng Danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 18. Tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đơn vị, địa phương nào chủ trì phát động thi đua theo chuyên đề, khi sơ kết, tổng kết sử dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền, trường hợp đặc biệt tiêu biểu xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh liên quan đến sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương nào thì Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương đó quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

Điều 19. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Tổ chức trao tặng:

a) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Khi có Quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ thì các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương có tập thể, cá nhân được khen thưởng phối hợp với Sở Nội vụ để có kế hoạch, hướng dẫn tổ chức trao thưởng hoặc trao thưởng tại các Hội nghị của tỉnh;

b) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp tỉnh: Cơ quan, đơn vị có kế hoạch tổ chức trao trong Hội nghị Sơ kết, Tổng kết Chuyên đề hay Tổng kết năm hoặc kết hợp trao thưởng vào dịp thích hợp;

c) Đối với các trường hợp được khen thưởng đột xuất Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khen thưởng đột xuất cấp Nhà nước, giao Sở Nội vụ phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng trực tiếp;

d) Không tổ chức đón rước các hình thức khen thưởng từ cấp này, địa điểm này đến cấp khác, địa điểm khác. Mỗi trường hợp được khen thưởng chỉ trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng giáo dục nêu gương tốt nhất.

2. Nghi thức trao tặng và tổ chức đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ Quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài.

3. Việc trao tặng phải được tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

Điều 20. Thủ tục, hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thủ tục hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bộ thủ tục hành chính áp dụng trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng.

2. Căn cứ tiêu chuẩn của các loại danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, các hồ sơ đề nghị khen thưởng phải đảm bảo số lượng, đầy đủ các thủ tục liên quan và chứng minh đạt được tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định. Để kiểm tra tính xác thực của hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng, khi cần thiết, cơ quan chuyên môn về thi đua, khen thưởng đi cơ sở để thẩm định thành tích hoặc yêu cầu

đơn vị trình khen tặng các văn bản chứng minh theo tiêu chuẩn quy định.

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị được khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được: Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng tính đến thời điểm sở, ban, ngành, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước 30 ngày; nếu quá thời hạn trên, sở, ban, ngành, địa phương phải bổ sung thành tích của tập thể, cá nhân.

4. Đối với thủ tục, hồ sơ đơn giản (khen thưởng đột xuất)

Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật thi đua, khen thưởng. Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã xét và đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

Điều 21. Thời gian trình hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Tờ trình đề nghị khen thưởng phải gửi về Sở Nội vụ trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền ký Tờ trình. Quá thời hạn trên, đơn vị, địa phương phải thực hiện lại bộ hồ sơ đề nghị khen thưởng.

2. Khen thưởng thành tích đột xuất và khen thưởng theo chuyên đề (theo đợt): các ngày làm việc trong tuần.

3. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được:

a) Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ quyết định, trao tặng:

Cờ Thi đua Chính phủ phải hoàn chỉnh hồ sơ gửi trước ngày 01 tháng 3 hàng năm;

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: Sau khi có quyết định công nhận đạt Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” lần thứ 2 liên tục phải hoàn chỉnh hồ sơ gửi trước ngày 30 tháng 4 năm sau;

Hồ sơ đề nghị từ mức Bằng khen Thủ tướng Chính phủ trở lên phải hoàn chỉnh hồ sơ và gửi trước ngày 30 tháng 4 hàng năm;

b) Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, trao tặng phải hoàn chỉnh hồ sơ gửi trước ngày 01 tháng 3 hàng năm;

c) Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn tất hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích năm học gửi trước ngày 20 tháng 7 và hồ sơ đề nghị Chính phủ khen thưởng gửi trước ngày 01 tháng 9 hàng năm.

Điều 22. Thời gian thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, thời gian thông báo kết quả khen thưởng

1. Khen thưởng thành tích đột xuất:

Chậm nhất trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, lập thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Khen thưởng theo công trạng, thành tích đạt được và theo chuyên đề (hoặc theo đợt):

a) Để kịp trao thưởng cho các tập thể, cá nhân tại Hội nghị Tổng kết năm, Tổng kết một chuyên đề hoặc ngày Truyền thống, Lễ Kỷ niệm của đơn vị, địa phương thì phải gửi đầy đủ hồ sơ đề nghị khen thưởng đến Sở Nội vụ trước 10 ngày làm việc;

b) Chậm nhất trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, lập thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng có số lượng nhiều:

Hồ sơ đề nghị khen thưởng có số lượng đề nghị khen thưởng từ 100 tập thể, cá nhân trở lên: Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, lập thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

4. Thời gian thông báo kết quả xét khen thưởng:

a) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nội vụ sẽ thông báo kết quả khen thưởng đến đơn vị, địa phương trình khen thưởng;

b) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nội vụ thông báo và gửi kết quả khen thưởng cho các đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng;

c) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nội vụ thông báo bằng văn bản cho đơn vị, địa phương trình khen thưởng.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP,

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG SÁNG KIẾN

Điều 23. Cơ cấu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Chủ tịch Công đoàn cùng cấp;

c) Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định thành phần, số lượng các ủy viên và nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của Hội đồng.

d) Bộ phận kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh là Văn phòng hoặc Phòng Hành chính hoặc Phòng trực thuộc khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các Doanh nghiệp gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Doanh nghiệp;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn của Doanh nghiệp;

c) Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định thành phần, số lượng các ủy viên và nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của Hội đồng;

d) Bộ phận kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng của các Doanh nghiệp do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Lãnh đạo Phòng Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;

c) Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định thành phần, số lượng các ủy viên và nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của Hội đồng;

d) Phòng Nội vụ là Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn thành lập.

Điều 24. Hội đồng Đánh giá mức độ ảnh hưởng sáng kiến

1. Hội đồng Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có thẩm quyền công nhận Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập.

2. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến và các thành viên khác.

3. Hội đồng Đánh giá mức độ ảnh hưởng sáng kiến có nhiệm vụ giúp người đứng đầu công nhận mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Điều 25. Công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương xem xét, công nhận.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ Quy chế này để ban hành hướng dẫn cụ thể, phù hợp ở ngành và địa phương mình.

2. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương và vận dụng Quy chế này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, nhân điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị mình.

3. Giao Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp, trường học thực hiện nghiêm Quy chế này.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh định kỳ (06 tháng, năm) đánh giá việc thực hiện Quy chế này, đề xuất các biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua trong từng năm và từng giai đoạn trên địa bàn tỉnh. Các Thành viên Hội đồng Thi

đua - Khen thưởng tinh có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức, triển khai nội dung Quy chế này tại các Khối Thi đua, các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công theo dõi, phụ trách.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, trường học kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn phong trào thi đua của tỉnh./

Nguyễn Văn Tân

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Tân